

# MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 29 BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015

LÊ TRỌNG AN\*

*Thực tiễn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017), còn bộc lộ nhiều bất cập, như: điều kiện áp dụng, thời điểm áp dụng, thẩm quyền áp dụng, hậu quả pháp lý. Để bảo đảm áp dụng đồng bộ, thống nhất, đúng đối tượng, công bằng và hiệu quả, cần nghiên cứu chuyên sâu về cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng. Trên cơ sở phân tích những khó khăn, bất cập, bài viết đề xuất, kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự Việt Nam trong thời gian tới.*

**Từ khóa:** Miễn trách nhiệm hình sự; Bộ luật Hình sự; Bộ luật Tố tụng hình sự; tội phạm; thực tiễn áp dụng.

*The practical application of the law regarding exemption from criminal liability, as stipulated in clause 3, Article 29 of the 2015 Criminal Code (amended and supplemented in 2017), reveals numerous shortcomings, such as conditions for application, timing of application, authority to apply, and legal consequences. To ensure uniform, consistent, and fair application that targets the proper subjects effectively, in-depth research on the theoretical foundations and practical implementation is necessary. Based on an analysis of the challenges and shortcomings, this article proposes several solutions to improve the legal framework for exemption from criminal liability in Vietnam shortly.*

**Keywords:** Exemption from criminal liability; Criminal Code; Criminal Procedure Code; crime; practical application.

NGÀY NHẬN: 08/8/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 12/9/2024

NGÀY DUYỆT: 16/10/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.345.2024.994>

## 1. Đặt vấn đề

Thực tiễn công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống tội phạm cho thấy không phải trường hợp nào người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm đều phải chịu trách nhiệm hình sự. Nguyên tắc nhân đạo của pháp luật hình sự cho phép cơ quan có thẩm quyền xem xét, cân nhắc các yếu tố khách quan, chủ quan của vụ án để quyết

định có áp dụng trách nhiệm hình sự và hình phạt hay không, nhằm bảo đảm tính công bằng, phù hợp với mục đích phòng ngừa chung. Điều này không chỉ thể hiện sự khoan hồng của pháp luật mà còn khuyến khích người phạm tội tích cực cải tạo, tái hòa nhập cộng đồng.

\* ThS, Học viện Cảnh sát nhân dân

Trên cơ sở nghiên cứu pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự, tác giả đề xuất và thống nhất với khái niệm như sau: “Miễn trách nhiệm hình sự là việc Nhà nước không buộc một người phải chịu trách nhiệm hình sự về tội mà họ đã thực hiện khi họ có đủ những điều kiện nhất định hoặc có những hành vi làm cho tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm giảm đi, miễn hậu quả pháp lý về hình sự, nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và giáo dục được người phạm tội có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống”<sup>1</sup>.

*Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định các trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự khi có đủ căn cứ: Điều 16; Điều 29; khoản 2 Điều 91; khoản 4 Điều 110; khoản 4, Điều 247; khoản 7 Điều 364; khoản 6 Điều 365 và khoản 2 Điều 390 *Bộ luật Hình sự* năm 2015. Ngoài việc quy định phạm vi miễn trách nhiệm hình sự cho từng trường hợp cụ thể còn quy định điều luật chung về miễn trách nhiệm hình sự cho mọi tội phạm tại Điều 29 *Bộ luật hình sự* năm 2015.

Quá trình vận dụng quy định tại khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 về miễn trách nhiệm hình sự đã đặt ra nhiều vấn đề cần được nghiên cứu và giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng, các cơ quan tố tụng tại Việt Nam còn gặp nhiều vướng mắc, như: điều kiện áp dụng, thời điểm áp dụng, thẩm quyền áp dụng, hậu quả pháp lý. Hơn nữa, sự thiếu thống nhất trong việc áp dụng quy định này đã gây ra những khó khăn nhất định trong thực tiễn ảnh hưởng đến quyền lợi của bị can, bị cáo và hiệu quả trong công tác phòng, chống tội phạm.

## 2. Khó khăn, vướng mắc khi áp dụng khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015

*Thứ nhất*, miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015, có phải là căn cứ để không khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can không? Một số ý kiến cho rằng, việc miễn trách nhiệm hình sự có thể được

thực hiện ngay từ đầu, trước khi khởi tố vụ án. Tuy nhiên, quan điểm phổ biến hơn cho rằng, việc khởi tố vụ án hình sự là điều kiện cần thiết để áp dụng biện pháp miễn trách nhiệm hình sự, nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch và tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng hình sự. Theo đó, “Miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 được thực hiện cả trước hoặc sau khi khởi tố vụ án hình sự. Nếu chưa khởi tố vụ án người thực hiện tội phạm có đủ điều kiện theo khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 thì cơ quan điều tra miễn trách nhiệm hình sự bằng Quyết định không khởi tố vụ án hình sự”<sup>2</sup> hoặc một ý kiến khác: “không cần thiết phải khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can rồi mới ra quyết định đình chỉ để miễn trách nhiệm hình sự... Như vậy, vừa tốn công, tốn thời gian...”<sup>3</sup>.

Trong phần trả lời bạn đọc về câu hỏi: “Khi áp dụng khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015, có bắt buộc phải khởi tố bị can không?” Vụ 14 - Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao chưa đưa ra câu trả lời “miễn trách nhiệm hình sự cho người thực hiện hành vi phạm tội tại khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015, cần được thực hiện linh hoạt, phù hợp với thực tiễn và đặc thù của từng vụ việc, từng nơi...”<sup>4</sup>. Điều đó cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng linh hoạt áp dụng có thể khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự.

Về lý luận khoa học, *Bộ luật Hình sự* đã phân tích và quy định của pháp luật chỉ miễn trách nhiệm hình sự cho một người đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự bằng một quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự. Vì vậy, quan điểm miễn trách nhiệm hình sự là căn cứ để không khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can là không đúng pháp luật. Tại Điều 157 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2021) nêu 8 căn cứ không khởi tố vụ án hình sự, tuy nhiên không có căn cứ nào là căn cứ “miễn trách nhiệm hình sự”. Đồng thời, Điều 18 *Bộ luật Trách nhiệm Hình sự* năm 2015 quy định về trách

nhiệm khởi tố và xử lý hình sự nhấn mạnh “Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm khởi tố vụ án...”.

Ngày 11/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đã ban hành Công văn số 2034/VPCQCSĐT-P2 hướng dẫn về trình tự, thủ tục áp dụng khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 chỉ xem xét áp dụng đối với người đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm nếu vận dụng quy định tại khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 và Điều 157 *Bộ luật Trách nhiệm hình sự* năm 2015 để ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự là không đúng pháp luật. Nhận định này khẳng định quyết định miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 chỉ áp dụng đối với người đã có trách nhiệm hình sự do cơ quan có thẩm quyền ban hành khi đã có quyết định khởi tố vụ án hình sự và khởi tố đối với bị can.

*Thứ hai*, khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015, quy định cụm từ “... có thể được miễn trách nhiệm hình sự”. Thuật ngữ “có thể” là một cụm từ “định tính, tùy nghi”, đến thời điểm này, các cơ quan chuyên ngành chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể, chi tiết về quy định này, dẫn đến khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng không áp dụng hoặc lạm dụng áp dụng. Một số trường hợp mặc dù có đủ điều kiện để được miễn trách nhiệm hình sự nhưng không được áp dụng, như: Bản án số 14/2024/HS-ST ngày 01/02/2024, Tòa án thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương “Không miễn trách nhiệm hình sự” khi xử phạt bị cáo Lại Huy Đ “14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 tháng, về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo điểm a, khoản 1 Điều 260 *Bộ luật Hình sự* năm 2015”<sup>5</sup>. Tương tự tại bản án số 12/2004/HS-ST ngày 06/02/2024 tòa án nhân dân Quận 4 TP. Hồ Chí Minh “Không miễn trách nhiệm hình sự” khi xử phạt bị cáo Thái

Bình T “1 năm 6 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 3 năm về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, theo điểm a, khoản 1 Điều 260 *Bộ luật Hình sự* năm 2015”<sup>6</sup>.

Điểm chung ở các bản án trên mặc dù đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và được người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, đồng thời về nhân thân của bị cáo điều thỏa mãn điều kiện để được tòa án miễn trách nhiệm hình sự. Nhưng tòa án không miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Vì, khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 quy định nhà làm luật sử dụng cụm từ “có thể miễn” và cho thấy, có nhiều trường hợp tòa án không áp dụng, thậm chí không dám áp dụng pháp luật để miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo mà thay vào đó áp dụng các hình phạt có tính chất nhẹ, như: cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng cho hưởng hình thức án treo. Việc không thống nhất áp dụng miễn trách nhiệm hình sự tại khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 sẽ dẫn đến tình trạng không bình đẳng trước pháp luật đối với người thực hiện tội phạm.

*Thứ ba*, vướng mắc khi cơ quan có thẩm quyền vận dụng tình tiết “bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự” trong trường hợp vụ án có nhiều bị hại. Chẳng hạn, trong vụ án vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, thuộc điểm “c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61 - 121%” (khoản 1 Điều 260 *Bộ luật Hình sự* năm 2015. Ví dụ: “A do vi phạm quy định tham gia giao thông đường bộ gây tổn thương cơ thể cho hai người là B và C mà mỗi người tỷ lệ tổn thương cơ thể là 35% sức khỏe, (tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của B và C là 70% sức khỏe), hành vi phạm tội của A bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm c, khoản 1, Điều 260, *Bộ luật Hình sự* năm 2015”. Trong quá trình điều tra A đã chủ động “bồi thường

thiệt hại, khắc phục hậu quả cho B và C. Nhưng chỉ được B tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự”. C thì không đồng ý hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho A. Vậy, trường hợp này, A có được miễn trách nhiệm hình sự không? Đây cũng là vướng mắc khi áp dụng điểm c, khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015.

*Thứ tư*, thẩm quyền ban hành quyết định miễn trách nhiệm hình sự. Đối với trường hợp miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015, mặc dù trong *Bộ luật Trách nhiệm Hình sự* năm 2015 và các văn bản liên quan không quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội thuộc thẩm quyền của cơ quan nào, đồng thời cũng có nhiều ý kiến khác nhau về thẩm quyền áp dụng. Theo tác giả, nếu có căn cứ tại khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015, cơ quan điều tra ra Quyết định đình chỉ điều tra theo Điều 230, *Bộ luật Hình sự* năm 2015; Viện Kiểm sát khi có căn cứ thuộc khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015, Viện Kiểm sát ra Quyết định đình chỉ vụ án theo Điều 248, đồng thời, Viện Kiểm sát rút Quyết định truy tố theo Điều 285 *Bộ luật Hình sự* năm 2015. Tòa án khi có căn cứ thuộc khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015, Tòa Quyết định đình chỉ vụ án (Điều 282 *Bộ luật Hình sự* năm 2015). Quyết định đình chỉ vụ án là căn cứ trước khi các cơ quan tiến hành ban hành quyết định miễn trách nhiệm hình sự. Theo đó, thẩm quyền miễn trách nhiệm hình sự thuộc thẩm quyền ở ba cơ quan tiến hành tố tụng (cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án) như hiện nay là phù hợp bảo đảm nguyên tắc nhân đạo, khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa đối với người phạm tội khi họ có đủ những điều kiện nhất định thì bất cứ ở giai đoạn tố tụng nào các cơ quan tiến hành tố tụng đều có thể ban hành quyết định miễn trách nhiệm hình sự cho họ.

*Thứ năm*, người được miễn trách nhiệm hình sự có được miễn trách nhiệm hậu quả pháp lý khác và có án tích không? Xét về bản

chất miễn trách nhiệm hình sự chỉ đặt ra đối với người có trách nhiệm hình sự khi họ có đủ những điều kiện nhất định hoặc những hành vi làm cho tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm giảm đi, Nhà nước miễn trách nhiệm hình sự cho họ. Mặc dù được miễn trách nhiệm hình sự nhưng họ vẫn phải gánh chịu trách nhiệm pháp lý khác như hành chính, dân sự, kỷ luật... (nếu có). Để hướng dẫn thi hành *Bộ luật Hình sự* năm 1985, Tòa án ban hành Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 gửi các tòa án nhân dân địa phương giải đáp bổ sung vấn đề áp dụng pháp luật, tại tiểu mục 2, Phần I về Hình sự Công văn ghi nhận “Người được miễn trách nhiệm hình sự... Tùy trường hợp cụ thể người được miễn trách nhiệm hình sự có thể bị xử lý hành chính”.

Qua ba lần pháp điển hóa *Bộ luật Hình sự* cũng như thực tiễn xét xử cho thấy, người được miễn trách nhiệm hình sự vẫn phải gánh chịu trách nhiệm pháp lý khác về mặt dân sự, hành chính, kỷ luật... Ví dụ, tại bản án trộm cắp tài sản số 128/2023/HSST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Quyết định “áp dụng khoản 1 Điều 173 và khoản 3 Điều 29, Điều 91, Điều 95, *Bộ luật Hình sự* năm 2015 miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Sầm Đức L và Hoàng Nguyễn Trung H1 về hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, các bị cáo vẫn bị áp dụng biện pháp tư pháp “giáo dục tại xã, phường, thị trấn” trong thời hạn 12 (mười hai) tháng”<sup>7</sup>. Đối với người được miễn trách nhiệm hình sự không có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của *Luật Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước* kể cả trong một số trường hợp họ bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự, như: bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú... Đối với người được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 *Bộ luật Hình sự* năm 2015, do họ không phải chịu hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các biện pháp cưỡng chế về hình sự khác thì được coi là không có án tích. Vì án tích là một dạng của

trách nhiệm hình sự khi họ được miễn trách nhiệm hình sự thì đương nhiên họ cũng được coi là không có án tích.

### 3. Kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự tại khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015

Một là, các cơ quan liên ngành nghiên cứu sớm xây dựng thông tư liên ngành, nghị quyết hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015, đặc biệt, xây dựng các tiêu chí đánh giá căn cứ miễn trách nhiệm hình sự để áp dụng đồng bộ và thống nhất, bảo đảm khách quan, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích và bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật.

Hai là, các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự cần tổ chức tập huấn chuyên sâu quy định miễn trách nhiệm hình sự tại khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015, tránh vận dụng áp dụng tràn lan, không đúng đối tượng hoặc không áp dụng miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo đủ điều kiện áp dụng pháp luật miễn trách nhiệm hình sự.

Ba là, ngành Tư pháp cần tổng kết rút kinh nghiệm hàng năm về việc các cơ quan tiến hành tố tụng vận dụng quy định pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ban hành công văn tổng kết đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế cần rút kinh nghiệm khi áp dụng quy định này.

Bốn là, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án cần tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra; đồng thời, nâng cao vai trò giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên. Để tránh trường hợp áp dụng pháp luật miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015, không đúng đối tượng, vận dụng áp dụng tràn lan hoặc không vận dụng áp dụng pháp luật miễn trách nhiệm hình sự cho bị can, bị cáo khi đủ điều kiện. Như vậy, hoạt động thanh tra, kiểm tra không chỉ tập trung vào những vụ án có bị

can, bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự; đồng thời, cần tập trung thanh tra, kiểm tra đối với những vụ án bị can, bị cáo đủ điều kiện miễn trách nhiệm hình sự nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự không vận dụng nguyên tắc có lợi để miễn trách nhiệm hình sự cho bị can bị cáo.

Năm là, cần quy định rõ hơn về hậu quả pháp lý đối với người được miễn trách nhiệm hình sự. Người được miễn trách nhiệm hình sự thì đương nhiên được miễn hình phạt, miễn các biện pháp tư pháp và không để lại án tích. Nhưng họ vẫn phải gánh chịu trách nhiệm pháp lý khác về mặt dân sự, hành chính, kỷ luật... (nếu có). Điều đó vừa thể hiện được chính sách khoan hồng của Nhà nước ta đối với người phạm tội, đồng thời đảm bảo được nguyên tắc công bằng, bên cạnh đó vẫn răn đe, giáo dục người phạm tội có ý thức tuân thủ pháp luật, đáp ứng được yêu cầu phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm □

#### Chú thích:

1. Lê Trọng An. *Miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự năm 2015 - thực tiễn áp dụng và một số vấn đề đặt ra*. Tạp chí Quản lý nhà nước số 341 (6/2024), tr. 63.

2. *Một số quan điểm khác nhau trong việc áp dụng khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự*. <https://baovephapluat.vn>, ngày 09/8/2019.

3. *Cần hướng dẫn về miễn trách nhiệm hình sự tại khoản 3, Điều 29, Bộ luật Hình sự năm 2015*. <https://tapchitoaan.vn>, ngày 27/02/2019.

4. *Vụ 14 - Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao “Khi áp dụng khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự có bắt buộc phải khởi tố bị can không?”*. <https://vksndtc.gov.vn>, truy cập 17/7/2024.

5. *Quyết định của Tòa án tại bản án số 14 ngày 01/02/2024 của Tòa án thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương*. <https://congbobanan.toaan.gov.vn>, truy cập 17/7/2024.

6. *Quyết định của Tòa án tại bản án số 12/2024/HS-ST ngày 06/02/2024 Tòa án nhân dân quận 4 TP. Hồ Chí Minh*. <https://congbobanan.toaan.gov.vn>, truy cập 17/7/2024.

7. *Tòa án nhân dân Tối cao (2023). Quyết định của Tòa án tại bản án số 128/2023/HSST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng*.